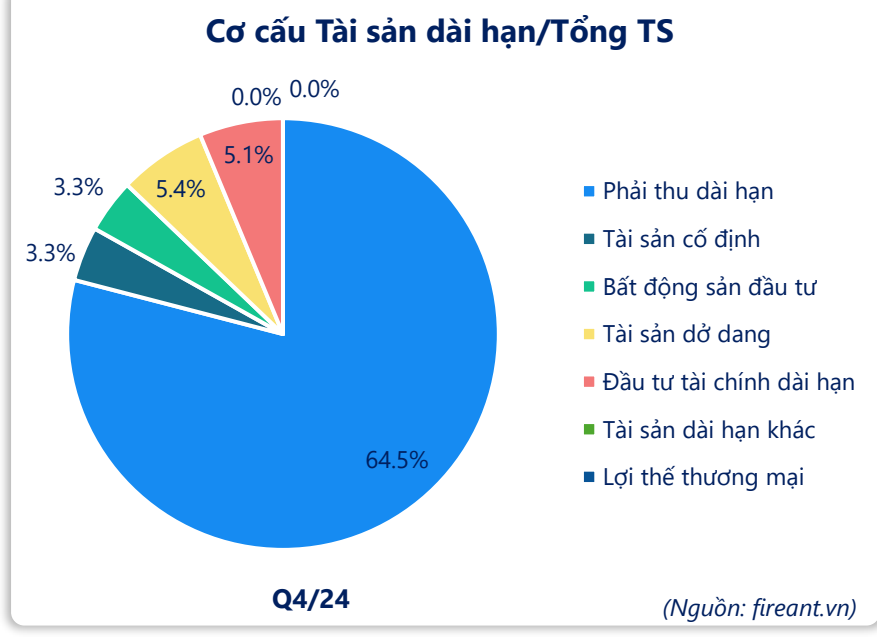
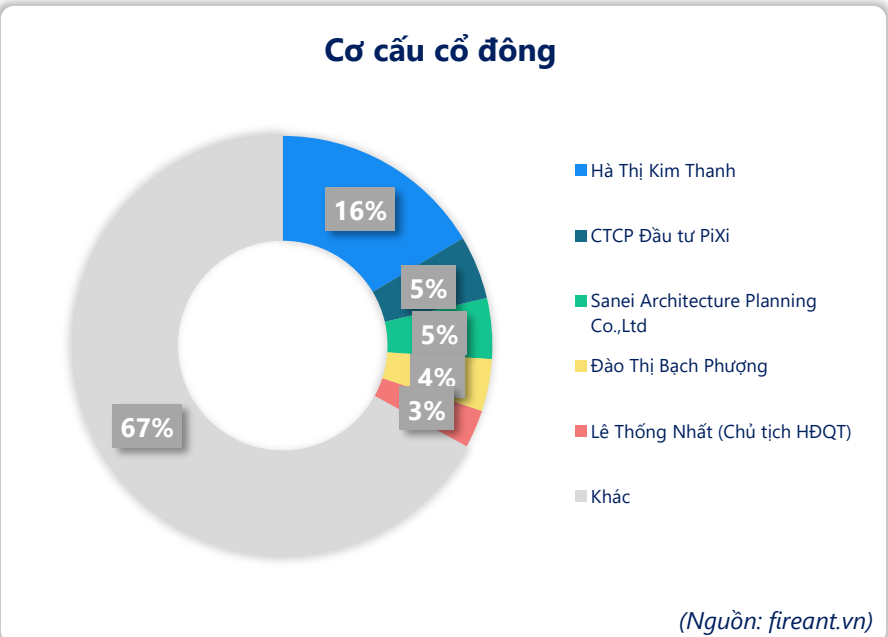
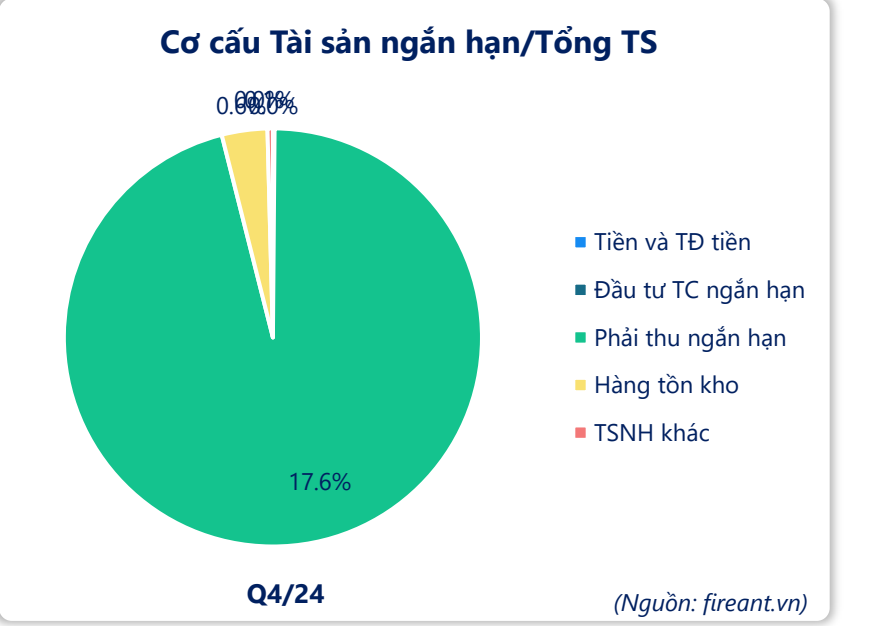
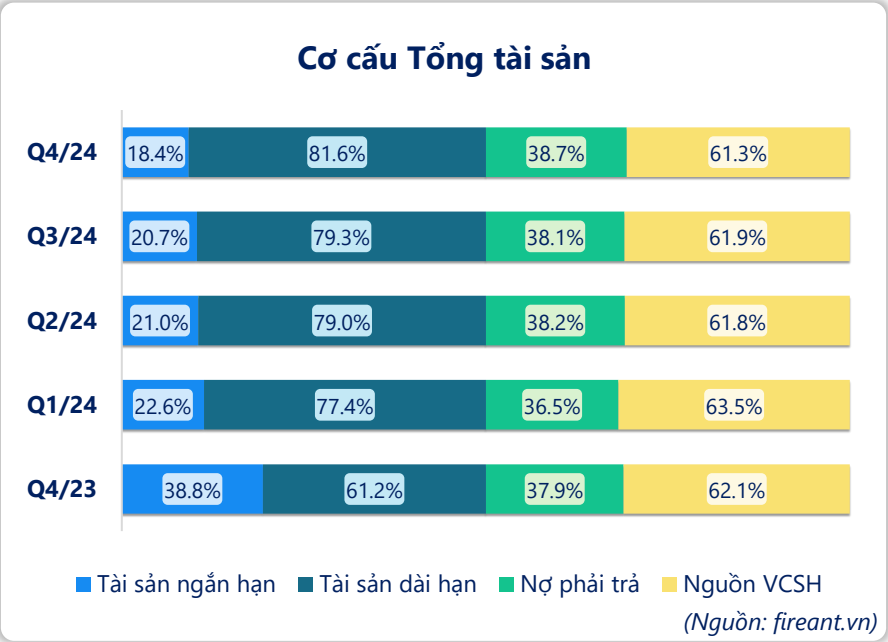
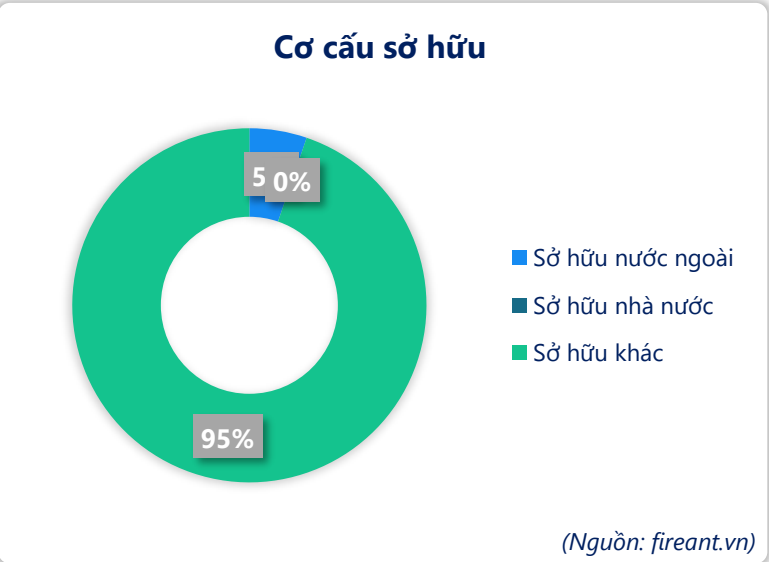
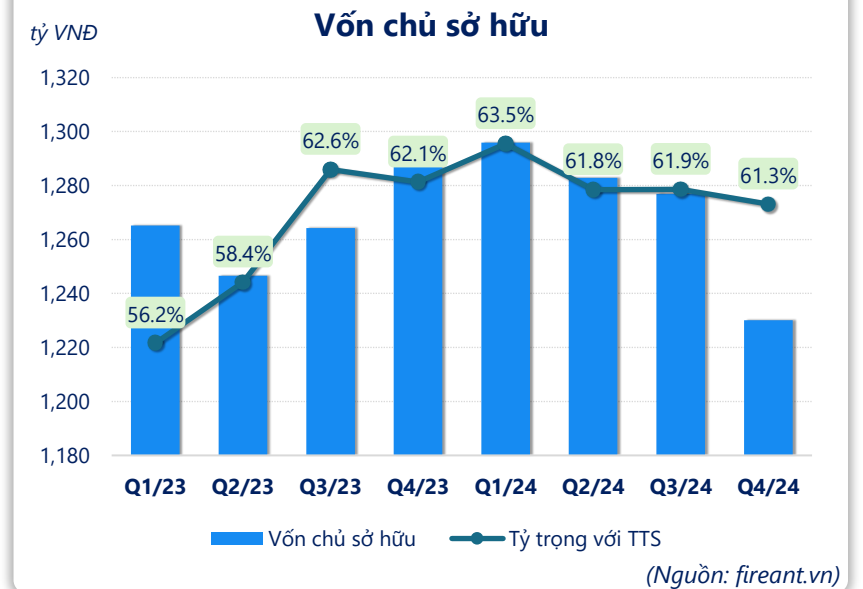
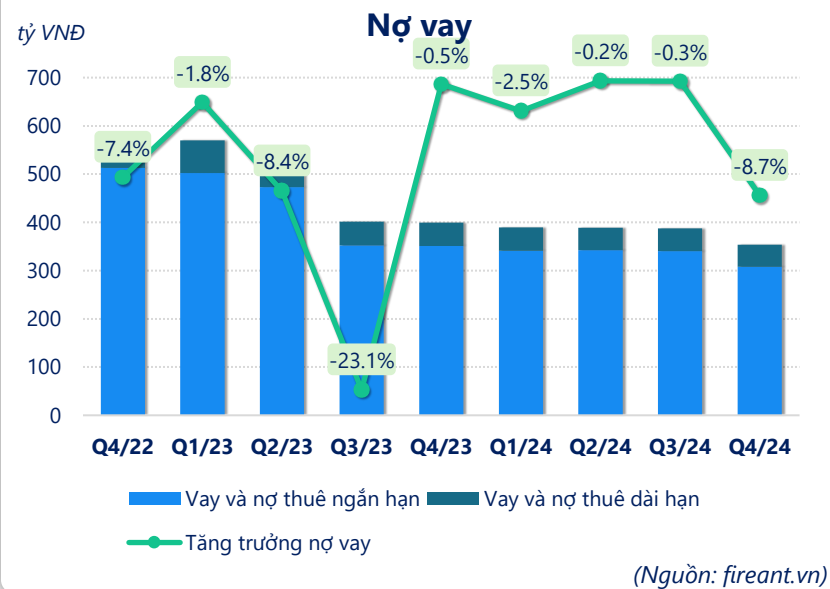
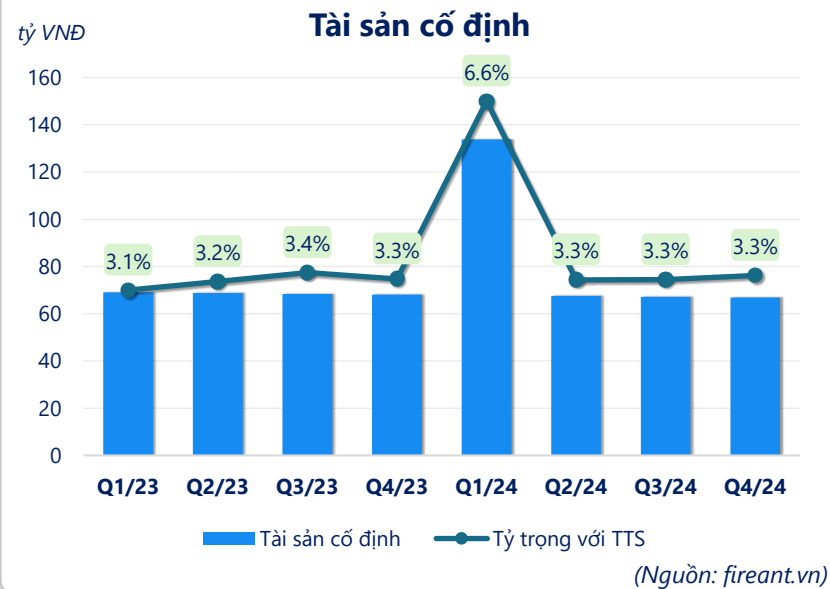
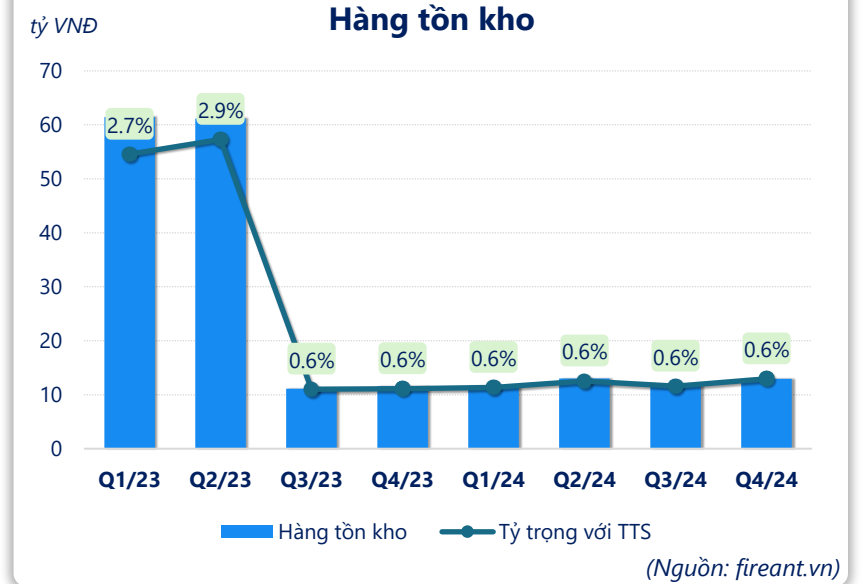
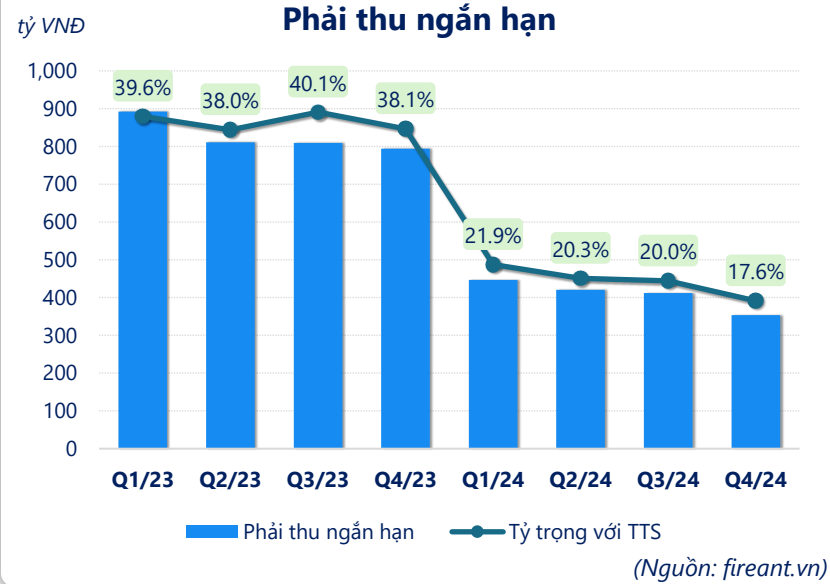
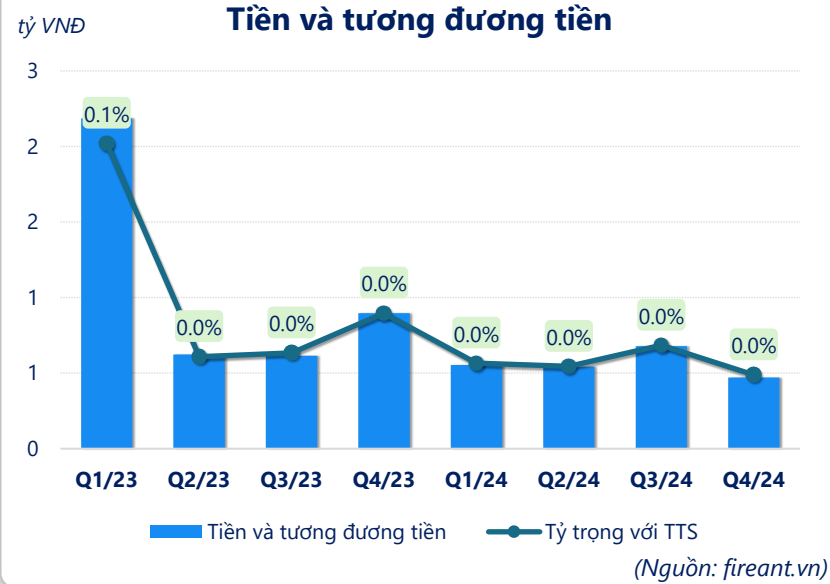
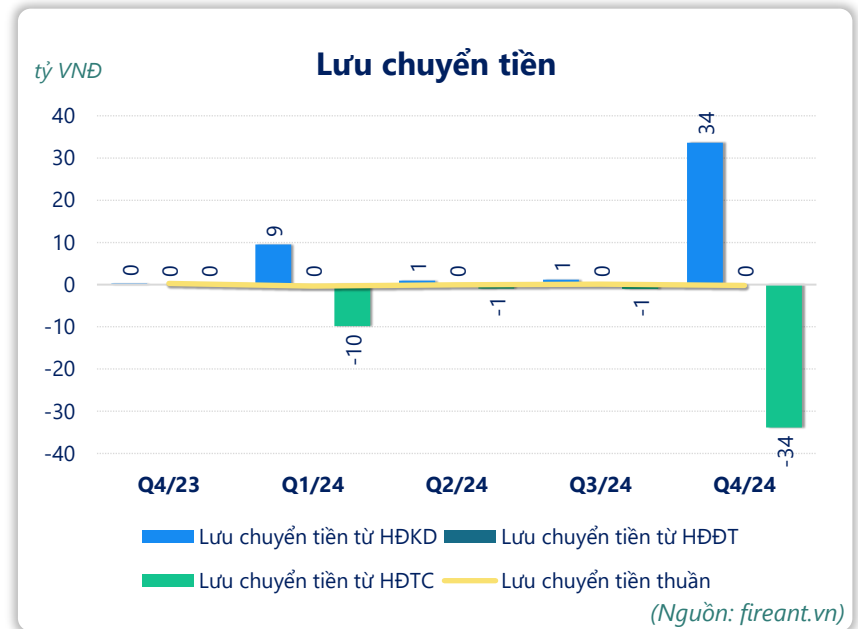
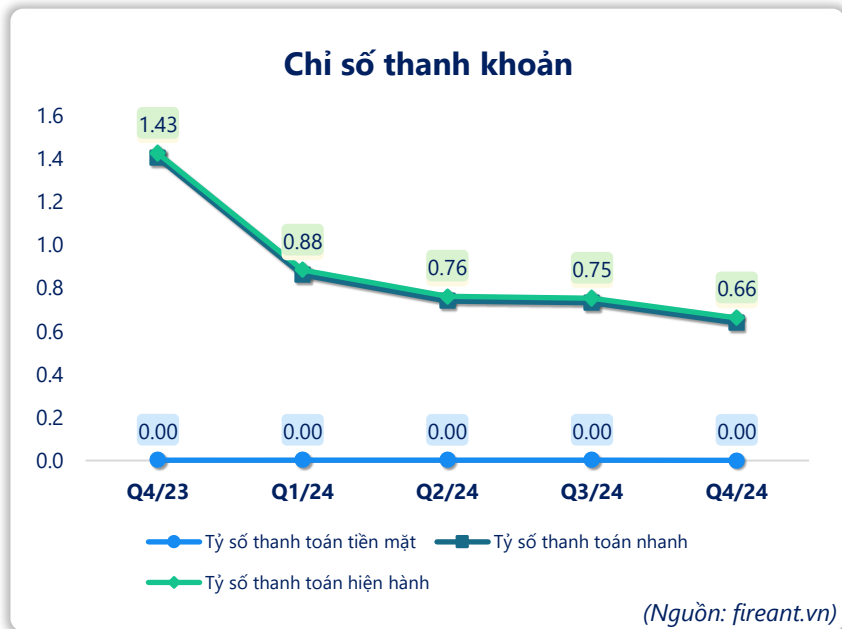
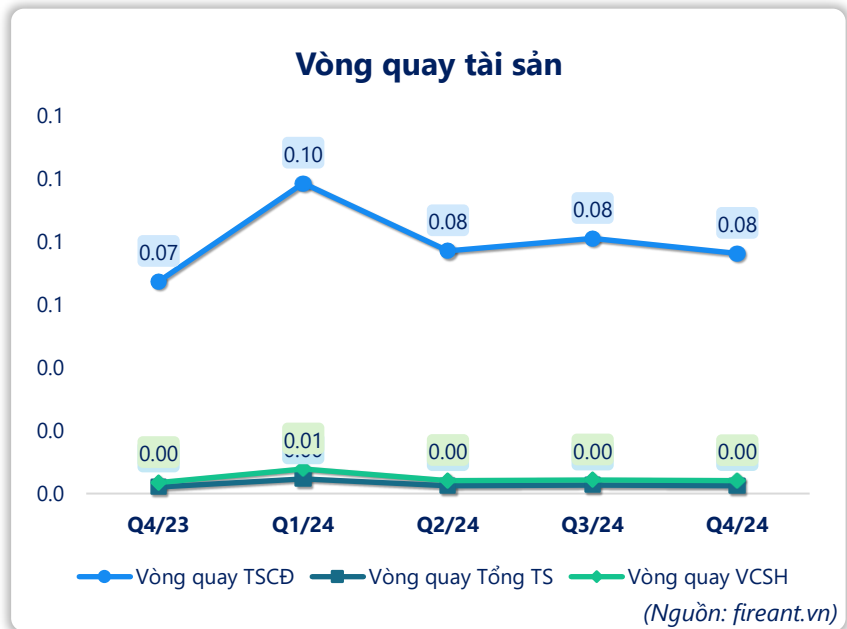
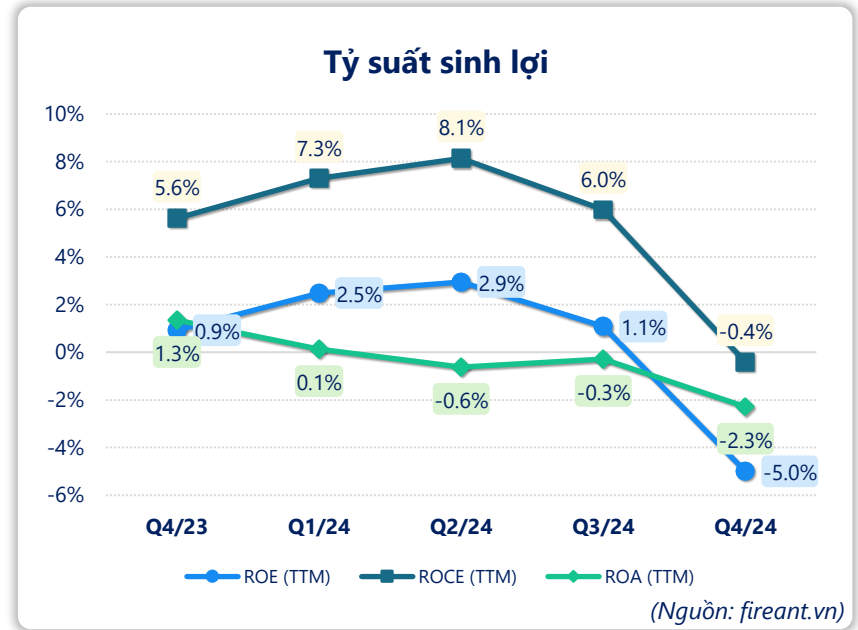
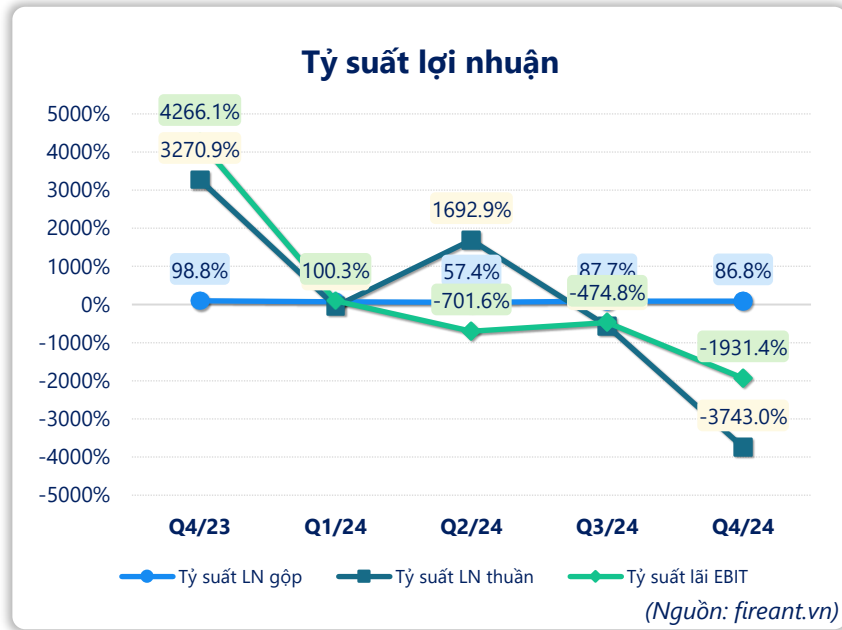
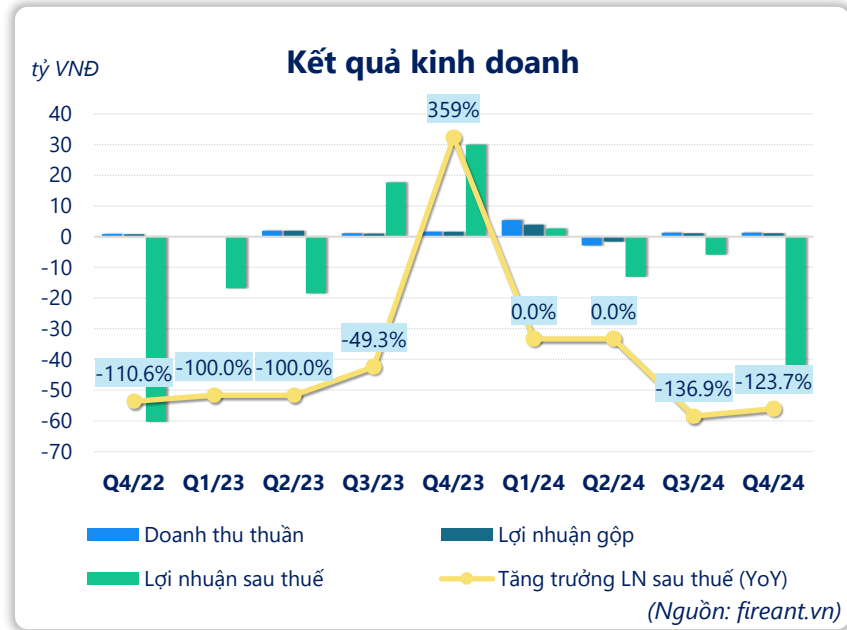


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		5,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,700
SL cổ phiếu LH		92,597,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)		991,229
% sở hữu nước ngoài		5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		463
P/E		-7.3
EPS		-681

	YTD	1T	3T	6T
NRC		19.0%	61.3%	6.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,006	2,083	-3.7%
Tài sản ngắn hạn	368	719	-48.8%
Tiền và tương đương tiền	0.47	0.90	-47.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	353	705	-49.9%
Hàng tồn kho	13.0	11.6	12.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.54	1.63	-5.6%
Tài sản dài hạn	1,638	1,365	20.0%
Phải thu dài hạn	1,295	1,020	26.9%
Tài sản cố định	66.9	68.1	-1.7%
Bất động sản đầu tư	65.9	66.2	-0.3%
Tài sản dở dang	108	108	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	102	0.6%
Tài sản dài hạn khác	0.04	0.14	-71.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	776	789	-1.7%
Nợ ngắn hạn	557	567	-1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	308	351	-12.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.08	6.71	-39.2%
Nợ dài hạn	220	222	-1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	46.1	48.5	-5.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,230	1,294	-4.9%
Vốn chủ sở hữu	1,230	1,294	-4.9%
Vốn điều lệ	926	926	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	1.65	5.37	-2.82	1.29	1.31
Giá vốn hàng bán	0.02	1.49	-1.20	0.16	0.17
Lợi nhuận gộp	1.63	3.89	-1.62	1.13	1.13
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	19.9	1.96	25.0	1.25	25.1
Chi phí lãi vay	16.7	1.96	25.0	1.20	25.1
LN trong công ty LKLD	1.07	0.20	0.13	-0.20	0.43
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-71.1	4.68	21.2	7.00	25.3
LN thuần từ HĐKD	53.9	-2.56	-47.7	-7.31	-48.9
Lợi nhuận khác	-0.34	5.98	42.5	-0.03	-1.45
LN trước thuế	53.5	3.42	-5.25	-7.34	-50.3
Lợi nhuận sau thuế	30.0	2.68	-13.1	-5.91	-46.9
LNST của CĐ cty mẹ	30.0	2.68	-13.0	-5.91	-46.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.28	9.49	0.92	1.17	33.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-9.84	-0.94	-1.04	-33.8
Tiền đầu kỳ	0.61	0.90	0.55	0.54	0.68
Lưu chuyển tiền thuần	0.28	-0.34	-0.01	0.14	-0.21
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.90	0.55	0.54	0.68	0.47

(Nguồn: fireant.vn)